TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HN** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/DS-ST
Ngày: 16-02-2022
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HN, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thì Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.
2. Ông Bùi Tấn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HN, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2021, về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Duy Q, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp 2, xã TP2, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; Có mặt.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1972; Có mặt.

2.2 Bà Trần Thị D, sinh năm 1970; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp 2, xã TP 2, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 6 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Đỗ Duy Q trình bày:

Ông là chị em chú bác với bà Trần Thị D. Ngày 02/12/2019 dương lịch, vợ chồng ông B, bà D có đến nhà gặp ông để nhờ ông hỏi vay giùm số tiền 100.000.000 đồng. Ông có gọi điện thoại cho vợ chồng ông Lê Minh N và bà Tân Thị Ánh H, không biết năm sinh, địa chỉ, số điện thoại: 0979.736.079 (H), 0913.967.441 (Nớt), để vay tiền giùm cho ông B, bà D. Ông có mối quan hệ quen biết với ông N, ông N trước đây làm chung cơ quan với ông. Ngày 03/12/2021, bà Ánh H gửi về 100.000.000 đồng, ông là người nhận tiền từ bà Ánh H, bà H có tính lãi với ông, lãi suất mỗi tháng 4%. Ông đã đóng lãi cho bà H từ ngày nhận tiền đến tháng 8/2021. Sau khi nhận tiền từ bà H, thì ông giao tiền cho ông B, bà D tại nhà ông.

Ông là người làm biên nhận với ông B, bà D, nội dung: "Vợ chồng tôi: chồng: Nguyễn Văn B, sinh năm 1972, vợ: Trần Thị D, sinh năm 1970. Hiện ngụ ấp 3, xã TP 2, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp, có nhờ cậu út Đỗ Duy Q, sinh năm 1965, hiện ngụ ấp 2, xã TP2, tạm mượn của chị Tân Thị Ánh H với số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), đã nhận đủ số tiền vào ngày 03/12/2019 do ông Đỗ Duy Q giao". Nhưng thực tế thì ông B, bà D chỉ biết là mượn tiền của ông, không biết bà Ánh H, ông là người trực tiếp giao tiền cho ông B, bà D. Ông B, bà D có đóng lãi cho ông mỗi tháng 4%, đóng được 4 tháng tiền lãi thì không đóng nữa, ông phải ra đóng lãi thế ông B, bà D. Ông có làm biên nhận nợ với bà Ánh H, nội dung là ông mượn tiền của bà Ánh H, bà Ánh H chỉ biết ông Q là người mượn tiền và yêu cầu ông trả, ông đã trả được cho bà Ánh H 70.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu vợ chồng ông B, bà D trả cho ông số tiền 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Đối với số tiền ông mượn bà Ánh H để cho ông B, bà D mượn thì ông sẽ chịu trách nhiệm với bà Ánh H, nếu sau này bà Ánh H có khởi kiện ông thì không liên quan đến ông B, bà D. Ông B, bà D không có thiếu tiền bà Ánh H.

Bị đơn, bà Trần Thị D trình bày: Bà là vợ ông Nguyễn Văn B. Khoảng tháng 12/2019 vợ chồng bà có vay của ông Đỗ Duy Q số tiền 100.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ, ông Q giữ biên nhận, vợ chồng bà không giữ. Vợ chồng bà đóng lãi cho ông Q mỗi tháng 4.000.000 đồng, đóng được 12 tháng, số tiền là 48.000.000 đồng. Bà có nấu đồ ăn bán cho ông Q số tiền 1.200.000 đồng, ông Q không trả tiền cho bà mà trừ vào tiền lãi. Nay ông Q yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền vay còn nợ gốc 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi thì bà thống nhất cùng ông D trả số tiền ông Q yêu cầu. Đối với số tiền vợ chồng bà đã đóng lãi cho ông Q thì vợ chồng bà không có yêu cầu gì, bà chấp nhận là tiền lãi phải trả cho ông Q. Đối với tiền bà bán đồ ăn ông Q thì bà sẽ tính với ông Q sau, không yêu cầu trong vụ án này.

Trong biên nhận nợ ông Q ghi: "... có nhờ cậu út Đỗ Duy Q, sinh năm 1965, hiện ngụ ấp 2, xã TP 2 tạm mượn của chị Tân Thị Ánh H với số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), đã nhận đủ số tiền vào ngày 03/12/2019 do ông Đỗ Duy Q giao" thì bà không biết bà Tân Thị Ánh H là ai, bà chỉ biết vợ chồng bà vay tiền của ông Q, ông Q là người giao tiền thì bà chỉ nợ ông Q, không có liên quan hay nợ gì bà Ánh H.

Bị đơn, ông Nguyễn Văn B trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà Đỗ Thị D, thống nhất cùng bà D trả số tiền vay còn nợ gốc của ông Đỗ Duy Q 100.000.000 đồng. Ông không biết bà Tân Thị Ánh H, ông không có vay mượn hay liên quan gì với bà Ánh H.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Duy Q. Buộc ông B, bà D có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay còn nợ gốc 100.000.000 đồng cho ông Đỗ Duy Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Bị đơn bà Trần Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu phản tố nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Duy Q yêu cầu ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị D cùng trả số tiền vay còn nợ gốc 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là có căn cứ để chấp nhận, vì: ông B, bà D thừa nhận có vay tiền của ông Q và thống nhất trả cho ông Q số tiền vay còn nợ 100.000.000 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của BLTTDS nên Hội đồng xét xử chấp nhận phần yêu cầu ủa ông Đỗ Duy Q.

[4] Đối với nội dung tờ biên nhận nợ ghi: "... có nhờ cậu út Đỗ Duy Q, sinh năm 1965, hiện ngụ ấp 2, xã TP 2 tạm mượn của chị Tân Thị Ánh H với số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), đã nhận đủ số tiền vào ngày 03/12/2019 do ông Đỗ Duy Q giao". Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn xác định biên nhận ghi tạm mượn tiền của bà Tân Thị Ánh H, nhưng thực tế ông Q là người giao tiền, là người cho ông B, bà D vay tiền chứ không phải là bà Tân Thị Ánh H. Ông B, bà D không quen biết, không có mượn tiền của bà Tân Thị Ánh H. Ông Q xác định ông là người đi kiện đòi tiền vay cho ông. Ông Q ghi tên bà Tân Thị Ánh H vào biên nhận là để cho ông B, bà D biết là ông mượn tiền của bà H để cho ông B, bà D vay lại. Đối với số tiền ông mượn của bà Ánh H, ông sẽ chịu trách nhiệm với bà Ánh Hoa, ông có làm biên nhận nợ với bà Ánh H, không liên quan đến ông B, bà D. Tòa án có yêu cầu ông Q cung cấp năm sinh, địa chỉ của bà Tân Thị Ánh H, nhưng ông Q không cung cấp được. Nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết đưa bà Tân Thị Ánh H

vào tham gia tố tụng, nếu sau này bà H có tranh chấp với ông Q sẽ được giải quyết theo quy định chung.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ như nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào các Điều 144 và 147 BLTTDS, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xử lý theo quy định. Buộc ông B, bà D phải chịu toàn bộ án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là: 100.000.000 đồng x 5% = 5.000.000 đồng. Trả lại cho ông Đỗ Duy Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai số 0003167 ngày 24/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 147, 244, 227 và 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Duy Q. Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị D phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đỗ Duy Q số tiền vay còn nợ 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

2. Về án phí:

2.1. Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị D liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

2.2. Trả lại cho ông Đỗ Duy Q được số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003167 ngày 24/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/02/2022); đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thì Trang